TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **02**/2020/DS-ST
Ngày: 03/02/2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Ly.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Hằng - Cán bộ nghỉ hưu.

2. Ông Lê Khắc Dũng – Cán bộ nghỉ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương Trà – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Tất Tại - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 254/2019/DS – ST ngày 19/9/2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2020; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa dân sự ngày 21/01/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N Việt Nam.
Địa chỉ: 198 đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nghiêm Xuân T – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trịnh Ngọc H1 – Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch E. Địa chỉ: 144 đường N, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Theo văn bản ủy quyền số 525/UQ – ĐLA - PGDTH ngày 06/06/2019) – Có mặt.

Bị đơn: ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị M
Địa chỉ cư trú: Thôn X, xã E1, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 06 tháng 06 năm 2019 và phần trình bày tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trịnh Ngọc H2:

Ngày 17/4/2018, Ngân hàng và ông Hoàng Văn K, bà Nguyễn Thị M ký Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 17/0418/HT/HĐTD ngày 17/4/2018; Hai bên thỏa thuận số tiền vay là 150 triệu đồng; lãi suất cho vay trong hạn là 10,5%/ năm; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày

tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay; mục đích vay vốn là vay đầu tư sản xuất nông nghiệp.

Ngày 17/4/2018, ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị M đã ký 01 Giấy nhận nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị M đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 12/0417/HT/HĐTC ngày 12/4/2017 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 12/0417/HT/HĐTS ngày 12/4/2017, thế chấp cho Ngân hàng tài sản:

Diện tích đất: Diện tích 4.666,5m2 tại thôn X, xã E1, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk, thuộc thửa đất số 245, tờ bản đồ số 39, đã được UBND huyện K cấp GCNQSD đất số BT 083773 ngày 19/01/2016;

+ Tài sản trên đất: 50 cây tiêu kinh doanh năm thứ 4; 50 trụ tiêu là trụ cây và các tài sản khác phát sinh trên đất theo GCNQSD đất số BT 083773 đã được UBND huyện Krông Năng cấp cho ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị M vào ngày 19/01/2016.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị M trả 03 đợt lãi vào các ngày 16/7/2018; 16/10/2018 và 16/01/2019, với tổng số tiền là 11.866.438 đồng, đến kỳ hạn lãi thứ 4 vào ngày 16/4/2019 và kỳ hạn trả nợ gốc, ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị M không trả gốc và lãi theo đúng kỳ hạn, đã vi phạm Hợp đồng tín dụng. Mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng ông bà vẫn không thực hiện đúng cam kết. Do đó, Ngân hàng khởi kiện ông Hoàng Văn K, bà Nguyễn Thị M.

Do đó, đề nghị TAND huyện EaKar, buộc ông Hoàng Văn K, bà Nguyễn Thị M trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng, số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử (03/02/2020) là 22.848.288 đồng, và tiền lãi phát sinh từ ngày 04/02/2020 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng;

+ Giải quyết tài sản thế chấp theo quy định pháp luật./.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị M là bị đơn, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, yêu cầu bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên bị đơn không có ý kiến gì, không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến khoản vay.Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến về việc chấp hành đúng quy định tại tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia làm việc theo giấy triệu tập và không có mặt tại phiên tòa là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo Điều 71, 72 của BLTTDS.

Về nội dung: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị M trả số tiền vay và lãi theo Hợp đồng tín dụng, xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, hồ sơ vụ án thì nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N Việt Nam khởi kiện ông Hoàng Văn K, bà Nguyễn Thị M trả số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 17/0418/HT/HĐTD ngày 17/4/2018 và xử lý tài sản thế chấp. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Hoàng Văn K, bà Nguyễn Thị M có nơi cư trú tại Thôn X, xã E1, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, tại Hợp đồng tín dụng và Văn bản làm việc ngày 27 tháng 4 năm 2019 giữa Ngân hàng và ông K, bà M thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân huyện EaKar là Tòa án nơi có trụ sở nguyên đơn là nơi giải quyết vụ án. Nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện EaKar theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

HĐXX nhận thấy, ngày 17/4/2018, ông Hoàng Văn K, bà Nguyễn Thị M ký Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 17/0418/HT/HĐTD ngày 17/4/2018 để vay 150 triệu đồng để đầu tư sản xuất nông nghiệp. Thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn là 10,5%/ năm; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông K và bà M có thế chấp cho Ngân hàng diện tích 4.666,5m2 tại thôn X, xã E1, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk, thuộc thửa đất số 245, tờ bản đồ số 39, đã được UBND huyện K1 cấp GCNQSD đất số BT 083773 ngày 19/01/2016; và 50 cây tiêu kinh doanh năm thứ 4; 50 trụ tiêu là trụ cây và các tài sản khác phát sinh trên diện tích đất nói trên, tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 12/0417/HT/HĐTC ngày 12/4/2017 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 12/0417/HT/HĐTS ngày 12/4/2017. Xét thấy hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối; các điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, tài sản thế chấp được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp được xác định là hợp pháp và có hiệu lực.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông K và bà M đã trả 03 đợt lãi vào các ngày 16/7/2018; 16/10/2018 và 16/01/2019, với tổng số tiền là 11.866.438 đồng, đến kỳ hạn lãi thứ 4 vào ngày 16/4/2019 và kỳ hạn trả nợ gốc, ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị M không trả gốc và lãi theo đúng kỳ hạn. Căn cứ điều 10.1.1 và 10.3.6 của Hợp đồng tín dụng số 17/0418/HT/HĐTD ngày 17/4/2018 ông Kỳ và bà Mỵ đã vi

phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, ngày 06/06/2019 Ngân hàng khởi kiện ông K, bà M là có căn cứ.

[4] Về lãi suất: Khi vay các bên thỏa thuận lãi suất vay trong hợp đồng tín dụng được điều chỉnh theo quy định của bên cho vay trong từng thời kỳ. Đối chiếu với bảng sao kê tính lãi đến ngày 03/02/2020 do Ngân hàng cung cấp thì lãi suất được tính và điều chỉnh theo từng thời kỳ, phù hợp với lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng và các quy định của pháp luật.

Như vậy, căn cứ các Điều 351, 355 Bộ luật Dân sự, ông Kỳ, bà My vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp quy định pháp luật.

Do đó, căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N Việt Nam về việc buộc ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm trả 150.000.000 đồng tiền vay, số tiền lãi suất từ ngày vi phạm đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/02/2020) là 22.866.438 đồng và phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 17/0418/HT/HĐTD ngày 17/4/2018 kể từ ngày 04/02/2020 cho đến khi thanh toán xong hết khoản nợ trên.

Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp, ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị M không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ nợ thì Ngân hàng TMCP N Việt Nam được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 12/0417/HT/HĐTC ngày 12/4/2017 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 12/0417/HT/HĐTS ngày 12/4/2017 đối với diện tích 4.666,5m2 tại thôn X, xã E1, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk, thuộc thửa đấy số 245, tờ bản đồ số 39; Tài sản trên đất: 50 cây tiêu kinh doanh năm thứ 4; 50 trụ tiêu là trụ cây và các tài sản khác phát sinh trên đất theo GCNQSD đất số BT 083773 đã được UBND huyện K1 cấp cho ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị M vào ngày 19/01/2016.

Trường hợp, ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị M thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam thì Ngân hàng có trách nhiệm xóa thế chấp cho ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị M.

[5] Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị đơn ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.642.414 đồng (Tám triệu sáu trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm mười bốn đồng).

+ Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

+ Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị M phải trả chi phí

xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP N Việt Nam.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466, Khoản 1 Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N Việt Nam.

Buộc ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị M phải trả Ngân hàng tổng số tiền 172.848.288 đồng (Một trăm bảy mươi hai triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn hai trăm tám mươi tám đồng). Trong đó, số tiền vay là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), khoản lãi suất phát sinh tính đến ngày 03/02/2020 là 22.866.438 đồng (Hai mươi hai triệu tám trăm sáu mươi sáu ngàn bốn trăm ba mươi tám đồng).

Ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị M tiếp tục phải trả khoản lãi suất phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 04/02/2020 theo hợp đồng tín dụng số 17/0418/HT/HĐTD ngày 17/4/2018 của Ngân hàng TMCP N Việt Nam đến khi ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị M trả hết nợ.

Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp, ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị M không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ nợ thì Ngân hàng TMCP N Việt Nam được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 12/0417/HT/HĐTC ngày 12/4/2017 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 12/0417/HT/HĐTS ngày 12/4/2017 đối với diện tích 4.666,5m2 tại thôn X, xã E1, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk, thuộc thửa đấy số 245, tờ bản đồ số 39; Tài sản trên đất: 50 cây tiêu kinh doanh năm thứ 4; 50 trụ tiêu là trụ cây và các tài sản khác phát sinh trên đất theo GCNQSD đất số BT 083773 đã được UBND huyện K1 cấp cho ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị M vào ngày 19/01/2016.

Trường hợp, ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị M thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam thì Ngân hàng có trách nhiệm xóa thế chấp cho ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị M.

2. Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Bị đơn ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.642.414 đồng(Tám triệu sáu trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm mười bốn đồng).

Trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP N Việt Nam số tiền 3.865.000 đồng (Ba triệu tám trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K1, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/ 0002597 ngày 23/8/2019.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị M phải trả chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP N Việt Nam.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar.
-Chi cục THADS huyện Ea Kar, huyện Krông Năng.
-Các đương sự;
-Lưu HS, VP.

(Đã ký)

Trần Văn Ly